

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :294

Sang : bánh canh thớt cá lọc nam mỗp cá
rot bap
Sữa grow
Trữa : Côm thớt bỏ xao măng tây cá rot su
su. Canh nũ nũ tom kho thớt heo nạc rau
hung
Món luộc: nũau bap
Xe: sữa grow
Xe chiều: Phở thớt gà hành tây nam cá rot
gia rau hung sả

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37014				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom khoi	200	78,100	156,200
3	Cá lọc	4,000	18,480	739,200
4	Nồc măm Cá (loại 1)	2,500	8,800	220,000
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nông cat	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xi dầu	1,000	990	9,900
9	Gạo tẻ may	15,000	2,630	394,500
10	Ngô (bap) tồoi	1,000	4,200	42,000
11	Hành lả	1,500	6,300	94,500
12	Hành củ tồoi	1,000	5,780	57,800
13	Cá rot	6,000	5,460	327,600
14	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
15	Gia nũau xanh	1,000	2,730	27,300
16	Mỗp	2,500	3,990	99,750
17	Măng tây	1,000	14,390	143,900
18	Su su	2,500	3,050	76,250
19	Nũau bap	3,000	6,720	201,600
20	Sả	300	2,840	8,520
21	Rau hung	100	11,870	11,870
22	Hành tây	500	3,570	17,850
23	Nũ nũu xanh	10,000	3,680	368,000
24	Bánh canh	20,000	2,200	440,000
25	Bánh phở	16,000	1,820	291,200
26	Thịt bọ loại 1	7,300	37,800	2,759,400
27	Thịt gà loại 1	3,200	12,920	413,440
28	Thịt bọ loại 2	1,200	29,400	352,800
29	Thịt nạc dăm	5,800	17,960	1,041,680
30	Sữa bột Abbot Grow	10,200	20,500	2,091,000
Cong				10,882,260
Tổng tiền thức phẩm				10,882,260 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tiền nồc chi trong ngày				10878000(ñ)
Số dồ nũau ngay				0(ñ)
Số dồ cuối ngày				-4260(ñ)
Xuất ăn luy ke tồ nũau thang				
Tieu chuan luy ke tồ nũau thang				
Tiền chi luy ke tồ nũau thang				